

Bản án số: 22/2018/DS-ST

Ngày: 22/6/2018

“*V/v Tranh chấp hui*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Lành.
2. Bà Ngô Thị Như Ý.

Thư ký Tòa án: Ông Ngô Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Ông Trương Quốc Tuấn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2018/TLST – DS ngày 26 tháng 4 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Th H - sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Trần V H – sinh năm 1973 (Theo đơn khởi kiện), sinh năm 1978 (Theo xác định của anh H).

Chị Lâm V Ph - sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã XP, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lâm V Gi - sinh năm 1962.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án bà H trình bày và yêu cầu: Bà H xác định anh H và chị Ph có tham gia chơi hội do bà H làm chủ hội, hội này hiện nay đã mất. Trong quá trình giao dịch hội anh H và chị Ph hốt hội xong nhưng không đóng tiền hội chết, bà H đã dùng tiền là tài sản của bà H và chồng bà H là ông Gi đóng hội chết thay cho anh H và chị Ph đến mất hội với số tiền 79.000.000đ, vợ chồng H và Ph đã trả cho vợ chồng bà H được hai lần bằng số tiền 10.000.000đ, hiện tại chỉ còn nợ vợ chồng bà H số tiền 69.000.000đ. Nên bà H yêu cầu vợ chồng H và Ph trả ngay hoặc trả trong hai đến ba lần cho vợ chồng bà H số tiền 69.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2016 âm lịch đến khi trả xong nợ cho vợ chồng bà H.

* Bị đơn trình bày: Anh H và chị Ph xác định vợ chồng anh chị có nợ hội bà H tính đến ngày 26/5/2016 âm lịch là 79.000.000đ, đã trả được 5.000.000đ vào tết âm lịch 2015 - 2016 và trả số tiền 5.000.000đ vào tết âm lịch năm 2016-2017. Hiện tại còn nợ 69.000.000đ. Anh H và chị Ph cho rằng anh chị đang gặp khó khăn về kinh tế nên đề nghị bà H cho trả nợ dần một tháng trả số tiền 1.000.000đ và đề nghị bà H không tính lãi suất.

Nếu số tiền bà H đóng hội thay là tài sản riêng của bà H thì anh chị sẽ trả tiền cho bà H, còn nếu là tài sản chung của vợ chồng bà H thì anh chị đồng ý trả nợ cho vợ chồng bà H.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Gi trình bày: Ông Gi thống nhất với trình bày và yêu cầu của bà H đối với anh H và chị Ph.

* Tại phiên tòa:

- Các đương sự có đề nghị vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có nộp văn bản thể hiện ý kiến khác.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc anh H và chị Ph trả cho bà H và ông Gi số tiền nợ hội là 69.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2016 âm lịch đến khi trả xong nợ hội.

* Các tình tiết của vụ án:

- Bà H, anh H và chị Ph thống nhất số tiền nợ hui đến ngày mãn hui là 79.000.000đ. Trong đó anh H và chị Ph trả 5.000.000đ vào ngày 28/12/2015 âm lịch và trả 5.000.000đ vào ngày 28/12/2016 âm lịch. Hiện tại còn nợ bà H và ông Gi 69.000.000đ.

- Bà H yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền 69.000.000đ kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2016 âm lịch đến khi anh H và chị Ph trả xong nợ cho vợ chồng bà H.

- Anh H và chị Ph đồng ý trả cho bà H và ông Gi số tiền nợ hui là 69.000.000đ và đề nghị bà H không tính lãi suất nhưng bà H vẫn yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Bà H khởi kiện yêu cầu chị Ph và anh H trả tiền nợ hui, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Anh H và chị Ph đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H và chị Ph theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Th H:

- Các đương sự thống nhất anh H và chị Ph còn nợ bà H và ông Gi tiền hui chết đến ngày mãn hui là ngày 26 tháng 5 năm 2016 âm lịch là 79.000.000đ. Trong số tiền này anh H và chị Ph trả được 5.000.000đ vào ngày 28/12/2015 âm lịch và trả 5.000.000đ vào ngày 28/12/2016 âm lịch, hiện tại còn nợ bà H và ông Gi 69.000.000đ. Sự thừa nhận của bị đơn phù hợp với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn được xem là tình tiết sự kiện không phải chứng minh như quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên được Hội đồng xét xử lấy làm căn cứ để giải quyết vụ án.

- Về lãi suất: Do anh H và chị Ph không đóng hui chết theo từng kỳ và bà H đã dùng tiền là tài sản của bà H và ông Gi để đóng hui thay anh H, chị Ph, việc bà H yêu cầu anh H và chị Ph trả tiền lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền 69.000.000đ kể từ ngày 26/5/2016 âm lịch là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị H và anh Ph đề nghị bà H không tính lãi suất, nhưng bà H không đồng ý mà vẫn yêu cầu tính lãi suất, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận đề nghị của anh H và chị Ph. Do anh H và chị Ph vi phạm nghĩa vụ đóng hui theo từng kỳ, nên phải chịu lãi suất đối với trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H và ông Gi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, với mức lãi suất là 10%/năm (0,833%/tháng) đối với số tiền nợ gốc kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2016 âm lịch (Nhằm ngày 30 tháng 6 năm 2016 dương lịch) đến

ngày xét xử sơ thẩm là 23 tháng 3 năm 2018. Lãi suất được tính là: $(69.000.000đ \times 0,833\%) \times 23 \text{ tháng } 3 \text{ năm } 2018 = 13.660.000đ$, ngoài ra anh H và chị Ph còn phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày 23 tháng 6 năm 2018 đến khi trả xong nợ cho bà H và ông Gi, với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền nợ gốc.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Th H, buộc anh H và chị Ph trả cho ông Gi và bà H số tiền nợ hui 69.000.000đ và lãi suất đến ngày 22/6/2018 là 13.660.000đ, ngoài ra anh H và chị Ph còn phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày 23 tháng 6 năm 2018 đến khi trả xong nợ cho bà H và ông Gi, với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền nợ gốc.

[6] Về án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án:

- Do bà H được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí, bà H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Buộc anh H và chị Ph phải chịu án phí là 4.133.000đ, anh H và chị Ph đang gặp khó khăn về kinh tế có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú, nên miễn 50% án phí cho anh H và chị Ph, anh H và chị Ph phải nộp 50% số tiền án phí còn lại là 2.066.500đ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357, 468, 479 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Th H, buộc anh Trần V H và chị Lâm V Ph trả cho bà Ngô Th H và ông Lâm V Gi số tiền nợ hui 69.000.000đ và lãi suất đến ngày 22/6/2018 là 13.660.000đ Anh H và chị Ph còn phải chịu lãi suất

chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày 23 tháng 6 năm 2018 đến khi trả xong nợ cho bà H và ông Gi, với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền nợ gốc.

2. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Do bà H được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí, bà H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.975.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011663 ngày 26/4/2018.

- Buộc anh H và chị Ph phải chịu án phí là 4.133.000đ, do H và chị Ph thuộc trường hợp khó khăn về kinh tế có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hưng Phú, nên miễn 50% án phí, anh H và chị Ph phải nộp 50% số tiền án phí còn lại là 2.066.500đ.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Đang